TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/DS-PT
Ngày 13-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài;

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 444/2022/TLPT-DS ngày 15/12/2022 về việc "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2023/QĐPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn P, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (giấy ủy quyền ngày 21/3/2022); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Minh L, sinh năm 1984; thường trú: ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (giấy ủy quyền ngày 23/11/2021); có mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc T trình bày:* nguyên đơn ông P yêu cầu bà M trả lại cho ông P số tiền tham gia góp hụi là 90.000.000 đồng và tiền lãi suất 48.000.000 đồng. Tổng cộng 138.000.000 đồng. Dây hụi ông P tham gia cụ thể như sau:

- Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 05/9/2011 dương lịch, mãn ngày 05/8/2015 dương lịch, gồm 37 phần, ông P tham gia 01 phần, mỗi tháng khui một lần vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, ông P đóng hụi sống cho bà M được 30 lần (kể từ ngày 05/9/2011 đến ngày 05/12/2014), ông P không nhớ cụ thể mỗi tháng đóng bao nhiêu tiền vì quá lâu, trung bình mỗi tháng ông P đóng hụi cho bà M khoảng 2.000.000 đồng. Ngày 05/01/2015 bà M tuyên bố bể hụi, việc đóng hụi từ ngày 05/9/2011 đến ngày 05/12/2014 là 39 tháng nhưng ông P và các hụi viên chỉ đóng 30 tháng vì chủ hụi và các hụi viên có thỏa thuận nhau khi đến mùa cao su thay lá (vào tháng 02, 03, 04 dương lịch) không khai thác mủ thì ngưng hụi đến khi cao su khai thác mủ lại thì đóng hụi tiếp (từ tháng 05 dương lịch đến tháng 01 dương lịch của năm liền kề). Việc thỏa thuận được chủ hụi và các hụi viên thống nhất nên dây hụi khui ngày 05/9/2011 dương lịch mãn ngày 05/8/2015 dương lịch.

Từ ngày 05/01/2015, dương lịch bà M tuyên bố bể hụi ông P không gặp bà M để yêu cầu trả lại số tiền nợ hụi, việc ông P không gặp là do bà M né tránh. Ngày 14/7/2015, ông P khởi kiện bà M tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương yêu cầu giải quyết buộc bà M trả lại cho ông P số tiền hụi đã nợ.

Ngày 03/9/2015, Tòa án nhân dân huyện D có Công văn số 153/TA-DS gửi đến Công an huyện D và Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị xem xét khởi tố vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bà Nguyễn Thị M.

Ngày 09/9/2015, ông P có làm đơn gửi đến Công an huyện D, tỉnh Bình Dương tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà M, Công an huyện D có làm việc với bà M và những người tham gia góp hụi chung với ông P và cho rằng hành vi chơi hụi là tranh chấp dân sự, việc tham gia góp hụi của bà M không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản cho nên vào ngày 22/8/2017, Công an huyện D có ra Thông báo số 152/TB không khởi tố hình sự đối với bà M.

Từ ngày có thông báo không khởi tố của Công an huyện D cho đến nay ông P rất nhiều lần yêu cầu bà M trả lại cho ông P số tiền nợ hụi trên nhưng bà M cho rằng không nợ. Nay ông P yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà M trả lại cho ông P số tiền của dây hụi khui ngày 05/9/2011 dương lịch là 3.000.000 đồng/tháng x 30 tháng = 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của ông P xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng. Chỉ yêu cầu bà M trả

lại cho ông P số tiền nợ hụi là 60.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày bể hụi là ngày 05/01/2015 dương lịch đến ngày xét xử 27/5/2022.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:* tại biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2020, bà M cho rằng ông P không tham gia góp hụi do bà làm chủ, những người tham gia góp hụi cũng không ai biết ông P, mỗi tháng khui hụi cũng không có ông P, bà M xác định trong danh sách hụi chỉ có mẹ ông P là bà Nguyễn Thị L tham gia, dây hụi khui ngày 05/9/2011 có 37 người tham gia, cụ thể ai tham gia hiện tại bà không nhớ. Nay ông P yêu cầu bà trả lại số tiền góp hụi 90.000.000 đồng và tiền lãi 48.000.000 đồng. Tổng cộng 138.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì ông P không tham gia góp hụi với bà.

- *Trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Minh Luân trình bày:* ông Luân yêu cầu người đại diện của nguyên đơn trình bày cụ thể trong 30 lần đóng tiền hụi cho bà M, cụ thể mỗi tháng đóng cho bà M bao nhiêu tiền, ông Luân cho rằng lời khai của nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn mỗi tháng đóng hụi cho bà M khoảng 2.000.000 đồng là không có cơ sở. Yêu cầu Tòa án làm rõ dây hụi khui ngày 05/9/2011, bà L mẹ ông P tham gia với bà M hay ông P tham gia với bà M, tiền hụi mỗi tháng ai là người đóng cho bà M, mỗi lần nguyên đơn đóng hụi cho bà M có giấy tờ giao nhận tiền không.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DSST ngày 27/5/2022, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P đối với bà Nguyễn Thị M về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn P số tiền nợ hụi 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 39.930.000 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền bà M phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn P trả là 99.930.000 đồng (chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông P có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P đối với số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị M kháng toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P đối với bà Nguyễn Thị M về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi", buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn P số tiền nợ hụi 60.000.000 đồng và tiền lãi là 39.930.000 đồng là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông P cho rằng ông có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 05/9/2011 dương lịch, mãn ngày 05/8/2015 dương lịch, do bà M làm chủ hụi gồm 37 phần, ông P tham gia 01 phần, mỗi tháng khui một lần vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, ông P đóng hụi sống cho bà M được 30 lần (kể từ ngày 05/9/2011 đến ngày 05/12/2014), ông P không nhớ cụ thể mỗi tháng đóng bao nhiêu tiền vì quá lâu, trung bình mỗi tháng ông P đóng hụi cho bà M khoảng 2.000.000 đồng. Ngày 05/01/2015 bà M tuyên bố bể hụi, do đó ông P khởi kiện bà M yêu cầu bà M trả lại cho ông P số tiền nợ hụi là 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày bể hụi là ngày 05/01/2015 dương lịch đến ngày xét xử.

Bị đơn bà M không thừa nhận ông P có tham gia dây hụi ngày 05/9/2011 dương lịch, xác định ông P không có góp hụi với bà M nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Căn cứ danh sách hụi viên 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 05/9/2011 có tên ông P ở vị trí số 25, do đó, có căn cứ xác định ông P có tham gia dây hụi này với bà M.

Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất ngày 11/8/2015 (bút lục số 51),

Khi được hỏi: Ông P có tham gia chơi dây hụi 37 thành viên mở ngày 05/9/2011, phần hụi 3.000.000 đồng do bà M làm chủ không?

Ông P xác định: "Tôi có tên trong dây hụi này nhưng mẹ tôi là bà Nguyễn Thị L đóng tiền chứ tôi không trực tiếp đóng tiền".

Khi được hỏi: Có lần nào ông đi mở hụi và đóng tiền hụi không? Vì sao bà L đóng hụi?

Ông P trả lời: "Hoàn toàn là do mẹ tôi đóng hụi. Do trong một dây hụi không được có tên hai lần. Má tôi đã có tên trong dây hụi rồi nên má tôi phải lấy tên tôi".

Ngoài ra, ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc có đóng hụi cho bà M, đóng mỗi tháng là bao nhiêu? Ông P cho rằng mỗi tháng đóng khoảng 2.000.000 đồng cho bà M chỉ là con số ước lượng, không có chứng cứ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ.

Kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị M.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P đối với bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" đối với số tiền 30.000.000 đồng.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P đối với bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" đối với số tiền 60.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày từ ngày 05/01/2015 dương lịch đến ngày xét xử 27/5/2022.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn P phải chịu 4.996.300 đồng (bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng), được khấu trừ vào số

tiền 3.450.000 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai số 0032708 ngày 05/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai số 0007590 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dũng